TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 29/06/2025

Hội đồng thi: Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH	NƠI SINH THEO GIẤY KHAI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ	Giới tính	Dân tộc
1	2325100067	Nguyễn Bảo	An	02/01/2003	Cà Mau	**8.5**	**5.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
2	2325100068	Chu Thị Tuyết	Anh	03/07/2005	Lâm Đồng	**7.5**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Nùng
3	2325100069	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23/03/2004	Lâm Đồng	**7.0**	**5.0**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
4	2325100070	Trịnh Khai	Dũ	25/09/2005	TP.Hồ Chí Minh	**8.0**	**8.5**	**ĐẠT**	Nam	Hoa
5	2325100071	Nguyễn Thị Hoài	Duyên	11/07/2005	Bình Thuận	**7.5**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
6	2325100072	Hứa Văn	Đạt	26/04/2002	TP.Hồ Chí Minh	**8.0**	**5.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
7	2325100073	Đinh Hồng	Điền	03/11/2003	Bình Phước	**6.5**	**5.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
8	2325100074	Bùi Việt	Đức	27/10/2002	Hải Dương	**6.0**	**6.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
9	2325100075	Sú Quang	Hào	25/06/2004	TP.Hồ Chí Minh	**9.5**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Hoa
10	2325100076	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	02/05/2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	**7.5**	**7.0**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
11	2325100077	Trần Thị Thuý	Hằng	15/02/2004	Kiên Giang	**7.5**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
12	2325100078	Huỳnh Nguyễn Công	Hậu	22/11/2005	Bến Tre	**7.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
13	2325100079	Trương Minh	Hoàng	08/05/2004	Thừa Thiên - Huế	**6.5**	**5.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
14	2325100080	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	09/10/2005	Bình Thuận	**6.0**	**2.5**	**KHÔNG ĐẠT**	Nam	Kinh
15	2325100081	Nguyễn Nhật	Huy	14/05/2004	Tiền Giang	**5.5**	**5.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
16	2325100082	Đào Nhựt	Hưng	18/08/2004	TP.Hồ Chí Minh	**7.5**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
17	2325100083	Lâm Tường	Khải	26/06/2001	Phú Yên	**7.5**	**6.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
18	2325100084	Huỳnh Trần Tiến	Khải	27/11/2005	Bến Tre	**8.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH	NƠI SINH THEO GIẤY KHAI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ	Giới tính	Dân tộc
19	2325100085	Phan Vĩnh	Khang	08/10/2005	TP.Hồ Chí Minh	**7.0**	**5.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
20	2325100086	Lê Bảo	Khanh	08/08/2003	TP.Hồ Chí Minh	**0.0**	**0.0**	**KHÔNG ĐẠT**	Nam	Kinh
21	2325100087	Nguyễn Duy	Khương	11/08/2005	Bình Phước	**6.5**	**5.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
22	2325100088	Nguyễn Hương Trà	My	24/10/2004	Bình Định	**6.0**	**1.0**	**KHÔNG ĐẠT**	Nữ	Kinh
23	2325100089	Trần Hoàng	Nam	23/08/1993	An Giang	**9.5**	**8.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
24	2325100090	Lương Gia	Ngân	25/09/2005	Bến Tre	**5.0**	**1.0**	**KHÔNG ĐẠT**	Nữ	Kinh
25	2325100091	Lâm Bội	Nghi	27/10/2004	TP.Hồ Chí Minh	**5.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nữ	Hoa
26	2325100092	Nguyễn Mỹ	Nguyên	27/03/2005	TP.Hồ Chí Minh	**8.0**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Hoa
27	2325100093	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	15/10/2005	Ninh Thuận	**8.0**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
28	2325100094	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	05/05/2005	Đắk Lắk	**7.5**	**1.0**	**KHÔNG ĐẠT**	Nữ	Kinh
29	2325100095	Lộ Thanh	Nhật	06/08/2004	Đồng Tháp	**6.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
30	2325100096	Nguyễn Thanh	Nhật	29/10/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	**5.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
31	2325100097	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/06/2002	Tiền Giang	**6.5**	**5.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
32	2325100098	Lê Ngọc	Phương	16/08/2005	Bình Định	**6.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
33	2325100099	Phạm Hoàng	Phương	19/09/2004	Đồng Nai	**6.5**	**5.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
34	2325100100	Lê Xuân	Quân	20/07/2005	Bình Thuận	**8.5**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
35	2325100101	Nguyễn Phương	Quân	03/08/2004	TP.Hồ Chí Minh	**6.5**	**0.0**	**KHÔNG ĐẠT**	Nam	Kinh
36	2325100102	Phạm Văn	Quyến	15/02/2004	Đắk Lắk	**6.0**	**5.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
37	2325100103	Đặng Hoàng Kim	Sang	24/09/2005	Bến Tre	**6.5**	**5.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
38	2325100104	Phạm Văn	Sang	06/09/1999	Đồng Tháp	**0.0**	**0.0**	**KHÔNG ĐẠT**	Nam	Kinh
39	2325100105	Trần Ngọc Bảo	Tín	12/12/2004	TP.Hồ Chí Minh	**9.0**	**5.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
40	2325100106	Huỳnh Gia	Tuấn	19/01/2005	TP.Hồ Chí Minh	**8.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
41	2325100107	Phạm Ngọc Bích	Trâm	29/11/2001	Quảng Ngãi	**8.5**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh

STT	SBD	HỌ	TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH	NƠI SINH THEO GIẤY KHAI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ	Giới tính	Dân tộc
42	2325100108	Nguyễn Hoàng	Triều	26/11/2004	Quảng Trị	**6.0**	**5.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
43	2325100109	Vương Đỗ	Trọng	18/12/2005	Tây Ninh	**7.5**	**6.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
44	2325100110	Nguyễn Thanh	Trường	12/11/2000	TP.Hồ Chí Minh	**6.5**	**9.0**	**ĐẠT**	Nam	Kinh
45	2325100111	Huỳnh Mộng Tố	Uyên	16/07/2005	Tây Ninh	**7.0**	**6.0**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
46	2325100112	Trần Phi	Vân	05/01/2004	TP.Hồ Chí Minh	**9.5**	**6.5**	**ĐẠT**	Nữ	Kinh
47	2325100113	Nguyễn Đức	Việt	23/10/2005	Đắk Lắk	**8.0**	**5.5**	**ĐẠT**	Nam	Kinh

Tổng số: 47 Thí sinh